

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN BẮC KẠN**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN BẮC KẠN**

BẮC KẠN, NĂM 2017





MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	9
I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP:	9
1. Các thông tin chung về doanh nghiệp:.....	9
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	10
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:.....	12
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 năm trước khi CPH:.....	19
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 30/06/2016:	27
1. Thực trạng về tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2016:.....	27
2. Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2016:.....	29
3. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2016:.....	30
4. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm 30/06/2016:.....	30
5. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm 30/06/2016:.....	31
6. Thực trạng về lao động:.....	31
III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	32
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:.....	32
2. Tài sản không tính vào Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016:.....	34
3. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý: Không có.....	35
PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ	36
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA:	36
1. Thông tin chung về việc cổ phần hóa:.....	36
2. Doanh nghiệp sau cổ phần hóa:.....	38
II. CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH:	39
1. Vốn điều lệ và số cổ phần phát hành:.....	39
2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:.....	39
3. Phương thức phát hành cổ phần:.....	39
III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG:	47
1. Kế hoạch bố trí lao động:.....	47
2. Số lượng, cơ cấu lao động khi chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần:.....	47
3. Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư:.....	48
IV. CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA:	49



V. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NHÀ NƯỚC, SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	50
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT:	51
VII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3-5 NĂM TIẾP THEO:	51
1. Mục tiêu phát triển:.....	51
2. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm sau khi cổ phần hóa như sau (2017-2019):.....	52
3. Kế hoạch đầu tư phát triển chi tiết giai đoạn 2017-2019 (3 năm sau cổ phần hóa):	53
4. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty Cổ phần:	54
5. Những biện pháp tổ chức thực hiện:	56
6. Đánh giá rủi ro dự kiến:	58
PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	59
I. TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN:	59
II. HOÀN TẤT VIỆC CHUYỂN DOANH NGHIỆP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN:	60



DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn.....	13
Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần.....	56

BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh.....	9
Bảng 2. Các hợp đồng lớn đã thực hiện từ 2014 đến 2016.....	19
Bảng 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần.....	21
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần trước khi cổ phần.....	21
Bảng 5. Cơ cấu chi phí trước khi cổ phần.....	22
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp trước khi cổ phần hóa.....	22
Bảng 7. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trước khi cổ phần.....	23
Bảng 8. Thực trạng tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2016.....	27
Bảng 9. Thực trạng tài sản phương tiện vận tải tại thời điểm 30/06/2016.....	28
Bảng 10. Thực trạng cơ sở vật chất tại thời điểm 30/06/2016.....	28
Bảng 11. Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2016.....	29
Bảng 12. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2016.....	30
Bảng 13. Tình hình công nợ tại thời điểm 30/06/2016.....	30
Bảng 14. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm 30/06/2016.....	31
Bảng 15. Thực trạng cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 24/02/2017.....	31
Bảng 16. Thực trạng cơ cấu lao động theo hình thức hợp đồng.....	32
Bảng 17. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2016.....	33
Bảng 18. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 19. Cơ cấu vốn điều lệ Công ty Cổ phần dự kiến.....	39
Bảng 20. Kế hoạch bố trí lao động tại thời điểm 24/02/2017.....	47
Bảng 21. Cơ cấu lao động chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần.....	48
Bảng 22. Dự kiến kinh phí giải quyết lao động dôi dư.....	48
Bảng 23. Dự toán chi phí cổ phần hóa.....	49
Bảng 24. Kế hoạch hoàn vốn nhà nước, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	50
Bảng 25. Phương án sử dụng đất.....	51
Bảng 26. Kế hoạch đầu tư máy móc, thiết bị.....	53
Bảng 27. Kế hoạch đầu tư phát triển chi tiết giai đoạn 2017-2019.....	53



GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG

1. “Công ty”: Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn
2. “Công ty cổ phần”: Công ty cổ phần In Bắc Kạn.
3. “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
4. “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
5. “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
6. “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
7. “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ.
8. Danh mục từ viết tắt sử dụng trong Phương án cổ phần hóa:

TNNH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
CP	:	Cổ phần
CPH	:	Cổ phần hóa
DN	:	Doanh nghiệp
DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
CNKT	:	Công nhân kỹ thuật
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
KTT	:	Kế toán trưởng
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội



CÁC CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;

- Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;

- Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;



- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 v/v hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần;

- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 v/v hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.



PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP:

1. Các thông tin chung về doanh nghiệp:

1.1. Các thông tin chung:

- **Tên Doanh nghiệp** : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN BẮC KẠN
- **Tên tiếng Anh** : BAC KAN PRINTING CO., LTD
- **Tên viết tắt:** : Không có
- **Trụ sở chính** : Số 463, Tổ 11C, P. Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- **Điện thoại** : (0209) 3873.720
- **Fax:** : (0209) 3870.247
- **Email** : congtyinbackan@gmail.com
- **Vốn điều lệ** : **5.230.600.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm ba mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700141229 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 22/07/2014, thay đổi lần thứ 02 ngày 02/06/2015
- **Người đại diện** : Triệu Thị Gái – Chủ tịch kiêm Giám đốc
- **Chủ sở hữu** : Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn
- **Địa chỉ chủ sở hữu** : Tổ 1, Phường Phùng Chí Kiên, Thị Xã Bắc Kạn, Bắc Kạn

1.2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty có các ngành nghề kinh doanh sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>In ấn:</p> <p><i>Chi tiết: In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in offset, in nổi, in bản thạch và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy vi tính, in chạm nổi;</i></p>	1811



2	<p>Dịch vụ liên quan đến in:</p> <p><i>Chi tiết: Đóng sách thành quyển, tạp chí, sách quảng cáo, catalo,.. bằng cách gấp, xếp, khâu, dán hồ, kiểm tra thứ tự (trang sách), khâu lược, dán bìa, tĩa , xén, in tem vàng lên sách:</i></p> <p><i>Xếp chữ, sắp chữ, sắp chữ in, nhập dữ liệu trước khi in bao gồm quét và nhận biết chữ cái quang học, tô màu điện tử</i></p> <p><i>Chuẩn bị đĩa và nhuộm nhằm làm giảm công việc in ấn và dán tem</i></p> <p><i>Các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiên gỗ để làm các văn bản khắc)</i></p> <p><i>Sản xuất các sản phẩm sao chụp</i></p> <p><i>Các hoạt động đồ họa khác như khắc dập khuôn, rập khuôn tem, in nổi, in dùi lỗ, chạm nổi, quét dầu và dát mỏng, kiểm tra thứ tự và sắp xếp.</i></p>	1812
3	<p>Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác:</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn máy in, thiết bị máy in sử dụng cho sản xuất công nghiệp</i></p>	4659
4	<p>Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa</p>	1702
5	<p>Quảng cáo</p>	7310

(Nguồn: Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)

- **Sản phẩm dịch vụ chính:** Báo chí, tạp chí, bản tin, sổ sách, biểu mẫu văn phòng (phiếu xuất - nhập kho, biên nhận bán hàng...), hóa đơn GTGT, biên lai thu phí, tem thuế, nhãn mác, nhật ký, lịch, giấy mời, thiệp chúc mừng, thiệp mời, bằng khen, giấy khen, bì thư, bao bì, vở học sinh

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn, tiền thân là Nhà in Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số 283-QĐ/TU ngày 01 tháng 01 năm 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về chuyển đổi mô hình đơn vị sự nghiệp. Ngày 25 tháng 6 năm 2014 UBND tỉnh đã ban hành QĐ số 1030/QĐ-UBND tỉnh Bắc Kạn chuyển đổi từ Nhà In Bắc Kạn thành Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn là doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn làm chủ sở hữu và hoạt động theo Điều lệ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn.



Thực hiện nhiệm vụ là in báo, sách, tạp chí và các ấn phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, chính quyền, các cơ quan, đoàn thể tỉnh Bắc Kạn, đồng thời đáp ứng nhu cầu in các ấn phẩm, tài liệu khác trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Trong những năm qua Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, và đã đạt được những kết quả tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay Công ty đã trang bị đầy đủ dây chuyền in hiện đại, khép kín từ khâu chế bản đến khâu in off sét và hoàn thiện sản phẩm, các công trình, máy móc, thiết bị được Công ty đầu tư quản lý, sử dụng đều phát huy hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, Công ty thường xuyên quan tâm công tác tổ chức bộ máy, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật in cho cán bộ, công nhân viên, hiện tại, đơn vị có 02 phòng chuyên môn, 03 phân xưởng sản xuất với 27 CBCNV và người lao động. Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu và in trên dây chuyền Offset hiện đại với hình thức, mẫu mã đa dạng và phong phú. Công ty luôn không ngừng nâng cao nguồn nhân lực: đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật in hàng năm và nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới và đặc thù ngành in. Thực hiện tốt các phương thức đào tạo, bồi dưỡng, lấy chất lượng hiệu quả làm mục tiêu chính nhằm đáp ứng kịp thời xu hướng đổi mới, yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, đã thực hiện được nhiều hợp đồng có giá trị từ vài trăm triệu đến hàng tỉ đồng, đặc biệt là đã được các cấp ủy, chính quyền tin tưởng giao nhiệm vụ in văn kiện phục vụ các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện và bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Việc in ấn văn kiện và các tài liệu đảm bảo chất lượng, bí mật, chính xác, an toàn tuyệt đối.

Công tác hoạt động đoàn thể của Công ty luôn được coi trọng và tích cực đẩy mạnh, nhằm nâng cao chế độ chính sách cho người lao động. Hàng năm Công ty thường xuyên phát động thi đua về: Năng suất, chất lượng sản phẩm; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Phong trào Văn hóa, Văn nghệ - Thể dục thể thao. Tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện do các cấp phát động, thông qua các hoạt động từ thiện, nhân đạo, CBCNV và người lao động Công ty đã thăm, tặng quà cho các đối tượng chính sách và ủng hộ xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ nạn nhân nhiễm chất độc da cam, đồng bào vùng bị bão lụt gần 100 triệu đồng, đồng thời nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện, phong trào hiến máu nhân đạo.



Từ việc sản xuất, kinh doanh hiệu quả, hằng năm đơn vị đã tạo điều kiện cho CBCNV và người lao động đi tham quan, học tập và nghỉ dưỡng từ 1 đến 2 lần. Các chế độ, quyền lợi của người lao động được quan tâm thực hiện đầy đủ; được tạo điều kiện về môi trường làm việc thuận lợi, bản thân CBCNV và người thân được thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có việc hiếu, hỷ được anh em đơn vị, Công đoàn đến động viên, chia sẻ, giúp đỡ.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH một thành viên gồm có:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty do UBND Tỉnh bổ nhiệm có thời hạn.
- Phó Giám đốc Công ty bao gồm 1 người được Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty bổ nhiệm có thời hạn; giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và ủy quyền.
- Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc trong quản lý điều hành công việc. Bao gồm:
 - + 02 phòng trực thuộc: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch – Kinh doanh – Kế toán tổng hợp.
 - + 03 phân xưởng sản xuất kinh doanh trực thuộc: Phân xưởng Chế bản-Bình bản, Phân xưởng Máy in offset, Phân xưởng Hoàn thiện sản phẩm.

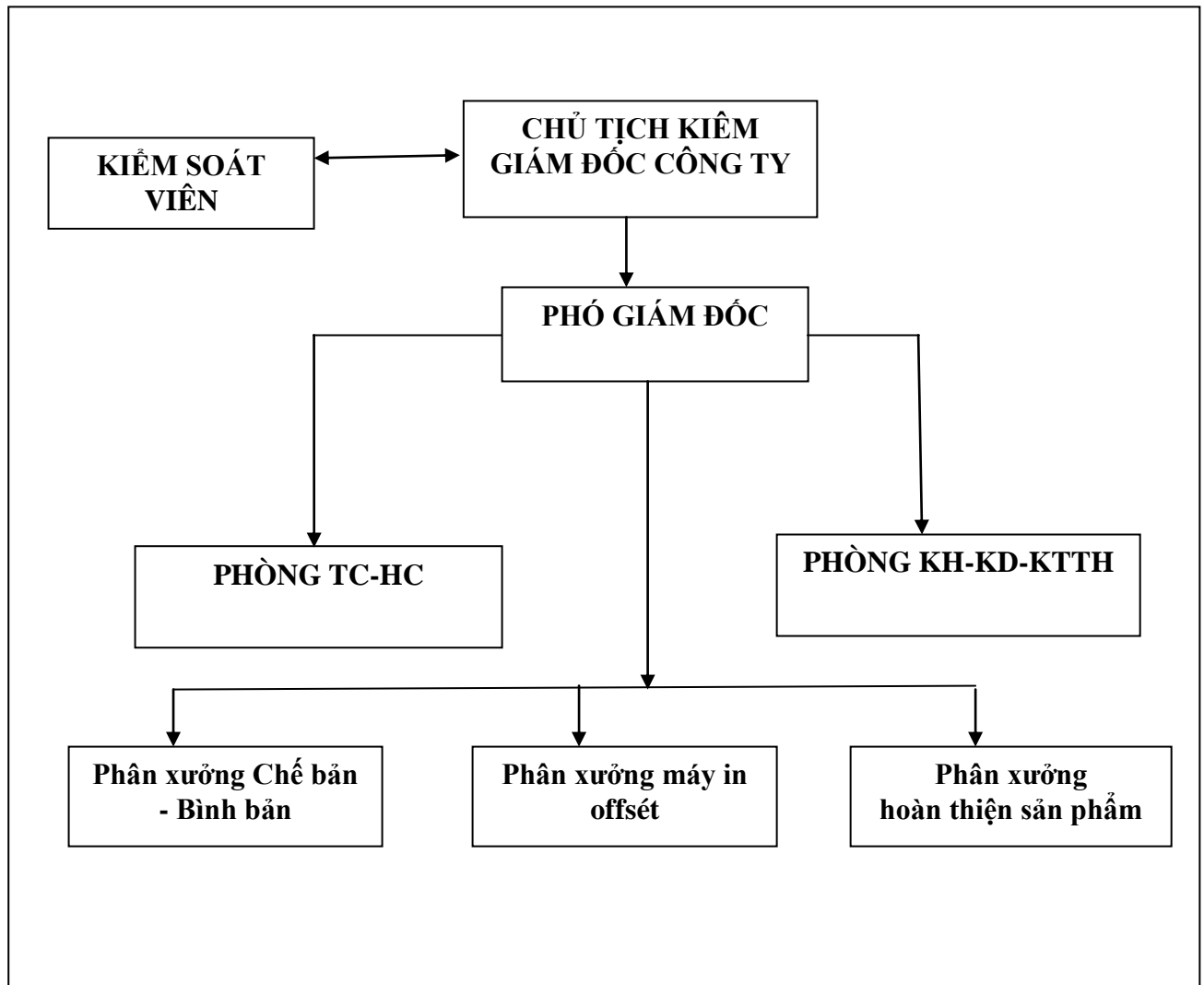
Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- + Tổ chức Đảng: Chi bộ Công ty thành lập ngày 29/10/2014 trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn (chuyển đổi từ Chi bộ Nhà in thành lập ngày 07/5/2004 trực thuộc của Đảng bộ Văn phòng Tỉnh ủy) hiện nay gồm 14 đảng viên (trong đó có 03 đảng viên dự bị).
- + Công đoàn: Công đoàn Công ty (chuyển đổi tên từ Công đoàn cơ sở Nhà in) được thành lập ngày 13/9/2006 trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Kạn gồm: 05 tổ công đoàn trực thuộc và 27 đoàn viên công đoàn
- + Đoàn thanh niên: Đoàn thanh niên Công ty (được chuyển đổi tên từ Chi đoàn Nhà In trực thuộc Đoàn Văn phòng tỉnh ủy thành lập ngày 06/10/2004), nay trực thuộc Đoàn Khối Doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn gồm 14 đoàn viên thanh niên.



3.2. Sơ đồ tổ chức:

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn





3.3. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:

a. Chủ tịch kiêm Giám đốc:

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Là người đại diện theo pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty trước Chủ sở hữu, trước pháp luật.

- Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ cho Phó Giám đốc, giao nhiệm vụ cho Kế toán trưởng, người đứng đầu Phòng, Phân xưởng thực thi các công việc; Kiểm tra nắm tình hình sản xuất, kinh doanh, an ninh trật tự và môi trường;

- Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu;

- Trực tiếp chỉ đạo phòng Tổ chức - Hành chính;

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Phó Giám đốc:

- Phó Giám đốc là người giúp việc quản lý, điều hành Công ty theo phân công của Chủ tịch kiêm Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền và phân công;

- Chỉ đạo và phụ trách công tác cung cấp thông tin và tham gia công tác dự báo thị trường theo lĩnh vực phân công; thông tin tuyên truyền, công tác phát triển thị trường, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh... xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và công tác kế hoạch năm;

- Đại diện công ty: Ký lệnh sản xuất, phiếu giao việc, phiếu nhập - xuất kho, phiếu giao - nhận sản phẩm, phiếu đề xuất lĩnh vật tư, bảng chấm công hàng tháng, biên bản sai hỏng sản phẩm và các giấy giới thiệu... ký các hợp đồng kinh tế (SXKD), hóa đơn GTGT và một số văn bản nội dung quan trọng khác khi được Chủ tịch kiêm Giám đốc ủy quyền;

- Trực tiếp chỉ đạo phòng KH - KD - KTTH; các Phân xưởng sản xuất

- Đảm nhận các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

c. Kế toán trưởng:

- Có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện công tác tài chính, kế toán, tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty và các quy định của pháp luật.



- Thu thập xử lý thông tin số liệu quyết toán, tổng hợp và hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng quy định chế độ kế toán và các quy định của pháp luật.

- Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ nộp, thanh toán nợ, kiểm tra quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

- Phân tích thông tin số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty.

- Tổng hợp báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, cung cấp thông tin, cung cấp số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của luật kế toán.

d. Phòng Tổ chức hành chính:

- Công tác tổ chức:

- Tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng mô hình tổ chức của Công ty và các đơn vị trực thuộc sao cho khoa học và hiệu quả;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bố trí sử dụng lao động theo phân công của giám đốc;

- Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động; giải quyết các công việc có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty theo đúng chế độ chính sách của Nhà Nước và quy định của Công ty;

- Soạn thảo, trình giám đốc ký hợp đồng với người lao động và theo dõi, quản lý tình hình thực hiện hợp đồng lao động;

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các Nội quy, Quy chế của các Phòng, Phân xưởng và cán bộ công nhân viên trong Công ty, kiến nghị Giám đốc áp dụng các biện pháp khen thưởng, kỷ luật nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người lao động;

- Phối hợp với các Phòng ban, đơn vị trực thuộc để giám sát, đánh giá chất lượng công việc của cán bộ công nhân viên hàng tháng, quý, năm để làm cơ sở tính lương, thưởng và đánh giá năng lực người lao động;

- Thay mặt Công ty làm việc với các cơ quan Bảo hiểm xã hội, cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền và báo cáo công việc để Giám đốc giải quyết.



- Công tác hành chính, quản trị

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ theo quy định của Công ty; Soạn thảo, trình duyệt, ban hành, hướng dẫn kiểm tra, đơn đốc báo cáo việc thực hiện các văn bản có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng;

- Cung cấp các tài liệu cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc liên quan phục vụ công tác sản xuất, kinh doanh theo đề xuất được duyệt;

- Lập kế hoạch dự trù mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm trình giám đốc duyệt và thực hiện việc mua sắm theo kế hoạch đã được duyệt; Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất phục vụ công tác hội họp, tiếp khách.

- Quan tâm đến đời sống cho cán bộ công nhân viên, thăm hỏi trong các dịp lễ tết, hiếu, hỉ, đảm bảo thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Đảm bảo công tác an ninh, trật tự, tham gia xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ, lụt bão và an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện lệnh Nghĩa vụ quân sự và các chính sách xã hội tại địa phương nơi đơn vị đăng ký hoạt động.

- Tổng hợp yêu cầu, kiến nghị của phòng, phân xưởng trực thuộc trình giám đốc và phòng ban liên quan giải quyết;

- Công tác bảo hộ an toàn lao động, vệ sinh môi trường

- Tập hợp, phổ biến các quy định về công tác bảo hộ an toàn lao động cho các CBCNV; Tổ chức các khoá huấn luyện về công tác bảo hộ, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ kỹ thuật trong Công ty.

- Soạn thảo, trình duyệt, ban hành các quy định về công tác an toàn lao động.

- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, các Phòng liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện chế độ an toàn, bảo hộ lao động.

- Giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện bảo hộ, an toàn lao động và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm về bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trình lãnh đạo Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra hiện trường, phát hiện ngăn ngừa và xử lý các trường hợp mất an toàn trong lao động sản xuất. Lập kế hoạch cung cấp bảo hộ lao động cho cán bộ nhân viên toàn Công ty.

- Công tác quản lý kỹ thuật

- Phối hợp với các bộ phận liên quan thường xuyên kiểm tra công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng máy in, máy gia công.



e. Phòng Kế hoạch - Kinh doanh - Kế toán tổng hợp:

✚ Bộ phận Kế hoạch - Kinh doanh

• Công tác kế hoạch:

- Chủ trì phối hợp cùng các phòng chức năng Công ty lập kế hoạch các lĩnh vực do các phòng và các phân xưởng lập để xây dựng kế hoạch chung trong toàn Công ty.

- Bám sát kế hoạch quý, năm để tham mưu giúp Giám đốc Công ty về kế hoạch, định mức đơn giá tiền lương, tiền thưởng cho toàn Công ty.

- Thực hiện công tác lưu trữ toàn bộ hồ sơ về quản lý giấy phép, sổ theo dõi xuất bản phẩm, quản lý Hợp đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán (hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT...).

• Công tác kinh doanh:

- Dự thảo và đàm phán hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan đàm phán để lãnh đạo Công ty ký kết tất cả các loại Hợp đồng kinh tế bao gồm: Nhận tư vấn thiết kế, in ấn xuất bản phẩm; mua sắm máy móc thiết bị; vật tư, phụ tùng trong và ngoài nước.

- Lập và theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Phòng, các Phân xưởng sản xuất trên cơ sở lệnh sản xuất được duyệt và giấy giao việc của Phó giám đốc Công ty.

- Phối hợp với các bộ phận, cá nhân được giao nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Hợp đồng Kinh tế, nghiệm thu, thanh quyết toán và thanh lý các Hợp đồng sau khi hoàn thành.

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng kinh tế trong toàn Công ty hàng quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

✚ Bộ phận kế toán tổng hợp

• Chức năng của kế toán

- Quan sát, thu nhận và ghi chép một cách có hệ thống hoạt động kinh doanh hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các khoản thu chi, tiền gửi ngân hàng, tính toán giá thành sản xuất, kiểm tra và lập nhập kho hàng mua, xuất kho bán hàng, tính lương nhân viên...

- Phân loại các nghiệp vụ kinh tế, ghi sổ kế toán theo dõi biến động của tài sản và nguồn vốn kinh doanh trong Công ty.



- Thực hiện các công việc liên quan đến quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công ty: kê khai thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các loại thuế khác hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi, nghĩa vụ thu nộp, thanh toán công nợ, kiểm tra, quản lý việc sử dụng tài sản và nguồn hình thành nên tài sản đó.

- Phân tích số liệu kế toán để tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm phục vụ cho yêu cầu kinh doanh của Công ty.

- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

•Nhiệm vụ của kế toán

- Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán thích hợp với từng đối tượng của kế toán Công ty.

- Theo dõi kịp thời biến động của tài sản, nguồn vốn, phản ánh đầy đủ các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

- Giúp Giám đốc kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty. Xây dựng quy trình quản lý thu chi tài chính của Công ty theo đúng quy định của nhà nước và quy định của Công ty.

- Lập các báo cáo kế toán trung thực, kịp thời và chính xác.

•Trách nhiệm của kế toán

- Kiểm tra đối chiếu số liệu, dữ liệu chi tiết và tổng hợp, các định khoản nghiệp vụ phát sinh, cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp, số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.

- Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế, lập báo cáo quyết toán Công ty.

- Theo dõi công nợ toàn Công ty, xác định và đề xuất lập dự phòng hoặc xử lý công nợ phải thu khó đòi.

- Giải trình số liệu và cung cấp hồ sơ, số liệu cho cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra kiểm tra theo yêu cầu.

- Kiểm tra nội dung, số liệu, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày về nghiệp vụ hạch toán, đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời.

- Lập, in các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết các tài khoản, bảng cân đối tài khoản, báo cáo cân đối tiền hàng theo đúng quy định. Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định.



- Trực tiếp báo cáo lên Giám đốc về kết quả, tình hình tài chính của Công ty theo định kỳ hay khi có yêu cầu; Xử lý chứng từ thu chi, quản lý quỹ tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng.

- Lập kế hoạch tiền lương toàn công ty, kịp thời thanh toán các khoản lương, thưởng, BHXH, BHYT cho người lao động.

- Tham gia đàm phán hợp đồng kinh tế, hợp đồng tín dụng, hợp đồng huy động vốn, hợp đồng mua bán; Tham gia thanh lý hợp đồng, tổ chức nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tiền bán hàng, thu hồi công nợ. Hàng tháng phải lập báo cáo về vốn, kho, quỹ, nợ phải trả, nợ phải thu cho Giám đốc Công ty trước ngày 05 tháng liền sau đó.

f. Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng sản xuất tổ chức thực hiện sản xuất theo Lệnh sản xuất và Hợp đồng kinh tế đã được lãnh đạo Công ty ký do phòng KH-KD-KTTH chuyển xuống theo trình tự, Quản đốc, Phó quản đốc chịu trách nhiệm điều hành các phân xưởng. Bao gồm 3 phân xưởng:

- Phân xưởng Chế bản-Bình bản.
- Phân xưởng Máy in off sét.
- Phân xưởng Hoàn thiện sản phẩm.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 năm trước khi CPH:

4.1. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu:

Hiện nay Công ty chủ yếu: Báo chí, tạp chí, bản tin, sổ sách, biểu mẫu văn phòng (phiếu xuất - nhập kho, biên nhận bán hàng...), hóa đơn GTGT, biên lai thu phí, tem thuế, nhãn mác, nhật ký, lịch, giấy mời, thiệp chúc mừng, thiệp mời, bằng khen, giấy khen, bì thư, bao bì, vở học sinh

4.2. Các hợp đồng lớn đã thực hiện:

Bảng 2. Các hợp đồng lớn đã thực hiện từ 2014 đến 2016

STT	Đơn vị đặt hàng	Sản phẩm in	Giá trị hợp đồng (ĐỒNG)	Thời gian thực hiện
1	Công an tỉnh Bắc Kạn	Tờ rơi tuyên truyền	130.000.000	2014
	Sở Công thương tỉnh Bắc Kạn	Bản tin Công thương năm 2014	82.500.000	2014
	Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết tỉnh Bắc Kạn	Xô số lô tô	90.000.000	2014
	Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh Bắc Kạn	Nông lịch Bắc Kạn 2015	139.975.000	2014



2	Văn phòng UBND tỉnh Bắc Kạn	Lịch năm 2015	68.150.000	2015
	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn-Ban QLCT UN-REDD	Tờ Poster, sách về REDD, BDKH, BV&PTR	61.899.998	2015
	Ban QLDA quan hệ đối tác vì người nghèo trong phát triển nông lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn (3PAD)	Tài liệu hóa các kết quả thành công của dự án	196.125.000	2015
	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Kạn	Tài liệu: Những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn tập I (1942-1975)	200.000.000	2015
	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Kạn	Tài liệu: Ấn phẩm văn học nghệ thuật chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI	300.000.000	2015
	Công an tỉnh Bắc Kạn	Tài liệu: Đặc san kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống Công an Nhân dân	89.600.000	2015
	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Bắc Kạn	Sổ, sách, panô truyền thông	165.784.900	2015
3	Văn phòng tỉnh ủy Bắc Kạn	Một số văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác văn thư lưu trữ trong hệ thống các cơ quan Đảng và TCCT xã hội	75.900.000	2016
	TT Truyền thông GD sức khỏe tỉnh Cao Bằng	Bản tin y tế Cao Bằng năm 2016	262.800.000	2016
	Phòng Nội vụ Ngân Sơn	Tài liệu bầu cử	94.815.000	2016
	Sở Nội vụ	Tài liệu bầu cử	1.268.527.425	2016

(Nguồn: Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)



4.3. Kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa:

Bảng 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Đồng	6.937.723.435	6.677.710.350	5.646.404.666
2. Vốn chủ sở hữu	Đồng	4.696.734.913	4.674.811.048	4.676.825.100
3. Nợ vay ngắn hạn	Đồng	472.430.891	166.554.959	-
Trong đó, nợ quá hạn		-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	Đồng	600.000.000	450.000.000	-
Trong đó, nợ quá hạn		-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Đồng	-	-	-
6. Tổng số lao động	Người	36	35	27
7. Tổng quỹ lương	Đồng	1.857.600.000	2.896.841.223	2.871.007.983
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	4.300.000	4.500.000	5.000.000
9. Tổng doanh thu	Đồng	6.642.219.994	8.349.548.611	7.856.360.542
10. Tổng chi phí	Đồng	6.506.705.824	8.200.553.134	7.703.609.268
11. Lợi nhuận thực hiện	Đồng	135.514.170	148.996.477	152.751.274
12. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	108.411.336	119.197.182	122.201.019
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	Đồng	2,308	2,460	2,613

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015 và BCTC tự lập năm 2016 Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)

a. Cơ cấu doanh thu thuần:

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần trước khi cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	6.642	8.350	7.856
a	Doanh thu thuần từ hoạt động in	Tr.đồng	6.537	8.346	7.854
b	Doanh thu thuần từ dịch vụ liên quan đến in	Tr.đồng	0	0	0



c	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	105	4	2
2	Mức độ tăng trưởng doanh thu so với năm trước	%	(7.26)%	20.46%	(6.28%)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015 và BCTC tự lập năm 2016 Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)

Doanh thu thuần của Công ty biến động không đều qua các năm. Doanh thu thuần từ hoạt động in vẫn chiếm tỷ trọng phần lớn trong tổng Doanh thu. Doanh thu thuần năm 2016 có xu hướng giảm, nguyên nhân chủ yếu do:

- Các mặt hàng in chủ yếu là báo, bản tin của các Sở ngành trong tỉnh do cắt giảm ngân sách tiết kiệm chi phí. Sự cạnh tranh kinh doanh giữa các cơ sở in tư nhân rất cao.

- Các mặt hàng in khác như bao bì hầu như không có.

b. Cơ cấu chi phí:

Bảng 5. Cơ cấu chi phí trước khi cổ phần

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị (đồng)	% so với doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	% so với doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	% so với doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	5.064.430.590	77,47	5.292.982.475	63,42	5.071.345.334	64,57
2	Chi phí bán hàng	1.760.000	0,03	-	/	-	/
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.413.598.671	21,62	2.814.496.777	33,72	2.572.773.923	32,76
4	Chi phí tài chính	4.666.667	0,07	93.072.882	1,12	50.384.533	0,64
5	Chi phí khác	22.249.896	0,34	-	/	9.099.747	0,12

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015 và BCTC tự lập năm 2016 Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)

Cơ cấu chi phí của Công ty có sự biến động qua các năm. Trong đó, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, trên 63% so với doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm trên 21% so với doanh thu thuần.

c. Cơ cấu lợi nhuận:

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp trước khi cổ phần hóa

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế gộp	đồng	1.472.876.959	3.052.879.033	2.782.254.605
Tỷ suất trên DTT	%	22,53	36,58	35,43

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015 và BCTC tự lập năm 2016 Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)



d. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 7. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trước khi cổ phần

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,16	3,03
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	1,56	2,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,99%	17,00%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42,84%	20,48%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho BQ}}$	Lần	6,48	5,99
Doanh thu thuần/Tổng tài sản $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản BQ}}$	Lần	1,23	1,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,43%	1,56%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	2,54%	2,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	1,75%	1,99%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,79%	2,06%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, năm 2015 và BCTC tự lập năm 2016 Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)

4.4. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chính của Công ty là giấy in, mực in, bản kẽm và các loại hóa chất như dung dịch hiện bản kẽm, tráng rửa bản kẽm, dung dịch làm ẩm, dầu lau cao su... Các nguyên vật liệu này, phần lớn còn phụ thuộc vào việc nhập khẩu từ các nhà sản xuất nước ngoài. Giấy in trong nước hiện nay chưa đủ đáp ứng nhu cầu và nhập khẩu. Một số nguyên vật liệu khác phải nhập khẩu 100%.

❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều đơn vị kinh doanh thiết bị, nguyên vật liệu ngành in. Các công ty này nhập các sản phẩm từ các nước trên thế giới



nhằm cung cấp cho thị trường Việt Nam. Trong đó một lượng sản phẩm lớn được nhập từ Trung Quốc với giá thành tương đối rẻ góp phần làm cho thị trường kinh doanh vật tư ngày càng sôi động hơn. Đặc biệt, khi thị trường xuất hiện thêm các nhà sản xuất vật tư trong nước sẽ góp phần làm cho nguồn cung ngày càng phong phú và sẽ có nhiều cơ hội cho người tiêu dùng lựa chọn.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu hằng năm. Điều này cho thấy, giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng quan trọng tới sản lượng, tiến trình cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá cả các mặt hàng nguyên vật liệu bị ảnh hưởng trực tiếp từ thuế nhập khẩu, tỷ lệ lạm phát, tình hình kinh tế trong và ngoài nước,... Khi giá cả các mặt hàng tăng lên sẽ tác động tiêu cực tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

4.5. Trình độ công nghệ

Nhìn chung, trình độ công nghệ của Công ty ở mức trung bình trong ngành; máy móc, thiết bị được đầu tư hiện đại, khép kín. Tuy nhiên, một số máy móc thiết bị đã qua sử dụng lâu ngày hoạt động kém hiệu quả. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục cải thiện công nghệ đầu tư máy in, máy gia công công nghệ mới, tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng nhà xưởng để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

4.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với sự phát triển đi lên của xã hội, khách hàng ngày càng có nhu cầu và đòi hỏi cao về chất lượng các sản phẩm in. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục tiến hành phân tích cung cầu, đối thủ cạnh tranh, nguồn hàng đầu vào, từ đó đề ra các chiến lược kinh doanh, quảng cáo cụ thể đối với từng mặt hàng; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh. mở rộng ngành nghề kinh doanh như:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành in;
- Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.

4.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, Công ty đang chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các cơ sở in tư nhân trong và ngoài tỉnh với chất lượng dịch vụ và cơ chế giá ưu thế hơn so với Công ty. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn luôn giữ uy tín với khách hàng, đối tác thông qua việc đảm bảo chất lượng đầu ra sản phẩm. Công ty xây dựng và ban hành quy trình sản xuất khép kín từ bộ phận nhận hàng, bộ phận sản xuất



và bộ phận trả hàng; thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm nhằm cung cấp sản phẩm đúng thời gian, chất lượng theo yêu cầu khách hàng.

4.8. Hoạt động marketing

Việc quảng bá hình ảnh của Công ty qua chất lượng sản phẩm nhằm thu hút, tiếp cận khách hàng. Nhận thức được tầm quan trọng của việc marketing và ảnh hưởng của hoạt động marketing tới hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, với xu hướng phát triển của mạng internet, tập trung từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

4.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế.

4.10. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật được đào tạo cơ bản, có năng lực kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh:

❖ Thuận lợi

Trải qua 13 năm xây dựng và phát triển. Là đơn vị duy nhất của tỉnh thực hiện sản xuất kinh doanh về in trên dây chuyền offset hiện đại được đầu tư trang thiết bị máy móc, dây chuyền khép kín, có đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật được rèn luyện, đào tạo cơ bản và kinh nghiệm lâu năm luôn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ ở trình độ cao, đã tạo dựng vững chắc thương hiệu uy tín trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ban, ngành chức năng về chủ trương chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của các cơ quan, ban, ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn về nguồn hàng sản xuất.

Ban lãnh đạo Công ty là một tập thể đoàn kết, thống nhất trong việc hoạch định, tạo được niềm tin với CBCNV trong Công ty với những quyết sách đúng hướng và kịp thời, nắm bắt được thời cơ của thị trường trong ngành.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp hợp lý. Các phòng, phân xưởng sản xuất hoạt động theo quy chế phân cấp tổ chức và điều hành một cách rõ ràng. Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ.

Vị trí Công ty nằm trong khu vực trung tâm thành phố nên rất thuận lợi cho việc giao nhận hàng hóa cũng như quảng bá giới thiệu sản phẩm



❖ **Khó khăn**

Thị trường in nhỏ lẻ, sự phát triển của truyền thông điện tử đã ảnh hưởng lên ngành in ấn, khiến nhu cầu sách, báo giảm mạnh, đây là mối đe dọa lớn đối với ngành in. Bên cạnh đó là cạnh tranh trong kinh doanh của các cơ sở in tư nhân ngày càng quyết liệt, tình hình sản xuất kinh doanh ngày càng gặp nhiều khó khăn.

Tiềm lực về cơ sở vật chất, năng lực quản lý, công nghệ tuy đã được đầu tư, nâng cấp nhưng mới chỉ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp do chi phí sản xuất tăng cao, nguyên liệu đầu vào tăng nhưng đơn giá công in tăng không tương xứng nên thu nhập của người lao động tuy có được cải thiện nhưng không theo kịp tốc độ tăng giá tiêu dùng nên đời sống của người lao động còn gặp nhiều khó khăn.

Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng lâu ngày, hoạt động kém hiệu quả. Thiếu vốn để đầu tư, nâng cấp các máy móc, thiết bị hiện đại.

4.11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ **Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn là một Công ty có quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh, một số máy móc, thiết bị đã qua sử dụng lâu năm, kỹ thuật vẫn chưa được tích cực cải tiến; sản phẩm chưa đa dạng để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Công tác quảng bá, mở rộng thị trường chưa tốt để đẩy mạnh doanh thu. Chất lượng sản phẩm chưa được đánh giá cao trong khi thị trường cạnh tranh trong ngành in ngày càng tăng cao.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành in hiện nay đang được sự quan tâm Nhà nước, và thường xuyên được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, các cấp, các ngành. Trong những năm qua, hoạt động báo chí, tuyên truyền, trong đó có hoạt động của các loại báo hình, báo nói, báo điện tử, đã có đóng góp rất lớn trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, chính trị và có đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Theo đánh giá của Hiệp hội In Việt Nam, mặc dù gần đây do bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế thế giới và khó khăn của nền kinh tế trong nước, ngành sản xuất trong lĩnh vực in ấn bao bì và in nhãn bao bì phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu vẫn có sự tăng trưởng. Ngành công nghiệp in ấn và bao bì được coi là ngành phụ trợ không thể thiếu để hỗ trợ cho các ngành sản xuất khác.

Hiện nay, còn rất nhiều mặt hàng có thể sản xuất trên dây truyền in để cung ứng cho các cơ quan, doanh nghiệp nhân dân trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, và còn một số đơn vị có nhu cầu in tài liệu nhưng chưa thu hút được về Công ty.

Những thuận lợi trên là để Công ty tiếp tục có những định hướng phát triển đầu tư sản xuất kinh doanh trong những năm tới.



4.12. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Ngành in Việt Nam trong tiến trình hội nhập, công nghệ in phải đạt trình độ quốc tế, đội ngũ lao động kỹ thuật, chuyên môn phải được đào tạo chuyên nghiệp. Đó là mục tiêu và hướng đầu tư ngành in cần duy trì.

Doanh nghiệp in có quy mô vừa và nhỏ cần xem xét lại thị trường, rà xét hạng mục đầu tư; đầu tư theo hướng chuyên môn hoá. Trong lúc khó khăn về vốn, lãi suất ngân hàng thì đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp sẽ khó khăn và khó thu hồi vốn. Tăng cường liên kết trong Hiệp hội in, giảm cạnh tranh bằng phá giá công in, nhằm tháo gỡ khó khăn cho từng doanh nghiệp và khai thác triệt để lợi thế của mỗi doanh nghiệp.

Để thực hiện mục tiêu lâu dài, vì sự phát triển ổn định và bền vững doanh nghiệp cũng đã đề ra các chiến lược mục tiêu cụ thể, định hướng nguồn hàng in chính của công ty; tăng cường phát triển nhân lực, cải tiến thiết bị, nâng cao năng suất lao động để đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh trong ngành in Việt Nam.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 30/06/2016:

1. Thực trạng về tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2016:

Bảng 8. Thực trạng tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

T T	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	7.636.638.844	2.962.736.370	9.221.195.750	3.951.342.787
I	Tài sản cố định hữu hình	7.636.638.844	2.962.736.370	9.221.195.750	3.951.342.787
1	Nhà, vật kiến trúc	2.985.969.579	993.543.884	4.570.526.485	1.527.531.894
2	Máy móc thiết bị	4.084.569.265	1.499.801.236	4.084.569.265	1.954.419.643
3	Phương tiện vận tải	566.100.000	469.391.250	566.100.000	469.391.250
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
B	TSCĐ KHÔNG CẢN DÙNG	1.684.976.905	-	1.684.976.905	-
1	Nhà, vật kiến trúc	-	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	1.532.976.905	-	1.532.976.905	-
3	Phương tiện vận tải	152.000.000	-	152.000.000	-



T T	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	2.626.454.093	30.800.000	2.626.454.093	30.800.000
1	Nhà, vật kiến trúc	-	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	2.626.454.093	30.800.000	2.626.454.093	30.800.000
3	Thiết bị truyền dẫn	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, P.LỢI	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	11.948.069.842	2.993.536.370	13.532.626.748	3.982.142.787

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

❖ **Phương tiện vận tải:**

Bảng 9. Thực trạng tài sản phương tiện vận tải tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	7	(9)=(7)-(8)	10	(12)=(10)x(11)
1	Ô tô TOYOTA VIOS BKS 97A-01344	566.100.000	469.391.250	566.100.000	469.391.250
	Tổng cộng	566.100.000	469.391.250	566.100.000	469.391.250

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

❖ **Cơ sở vật chất (nhà cửa, vật kiến trúc):**

Bảng 10. Thực trạng cơ sở vật chất tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	6	8	10	(12)=(10)x(11)
1	Nhà bảo vệ và giới thiệu sản phẩm	86.702.000	24.916.990	134.225.071	51.005.527



TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	6	8	10	(12)=(10)x(11)
2	Nhà điều hành	1.154.954.341	426.584.416	2.288.239.797	686.471.939
3	Nhà để xe	34.703.000	-	34.703.000	12.146.050
4	Nhà vệ sinh	68.271.000	17.422.547	68.271.000	25.942.980
5	Nhà xưởng	644.452.000	178.929.398	1.030.909.091	319.581.818
6	Sân, đường, điện, cấp thoát nước ngoài nhà	197.564.000	43.206.800	211.249.641	73.937.374
7	Tường rào	48.264.600	10.447.681	48.264.600	16.892.610
8	Nhà kho	235.036.455	127.236.440	235.036.455	127.236.440
9	Công trình cống	35.269.273	20.573.733	35.269.273	20.573.733
II Tài sản cố định khác					
1	Kè chống sạt lở	480.752.910	144.225.879	484.358.557	193.743.423
TỔNG CỘNG		2.985.969.579	993.543.884	4.570.526.485	1.527.531.894

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

2. Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2016:

Bảng 11. Thực trạng về tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

	TÀI SẢN NGẮN HẠN	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại
	TỔNG CỘNG	3.530.347.806	3.530.347.806
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	283.562.728	283.562.728
1.	Tiền	283.562.728	283.562.728
2.	Các khoản tương đương tiền	-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.408.083.808	2.408.083.808
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.401.342.205	2.401.342.205
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	-	-



	TÀI SẢN NGẮN HẠN	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại
3.	Phải thu ngắn hạn khác	6.741.603	6.741.603
IV.	Hàng tồn kho	568.149.799	568.149.799
1.	Hàng tồn kho	568.149.799	568.149.799
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	270.551.471	270.551.471
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	270.551.471	270.551.471
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

3. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2016:

Bảng 12. Thực trạng nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại
I	Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp	6.414.195.048	7.407.051.464
	Trong đó:		
	- Nợ thực tế phải trả	1.847.059.076	1.847.059.076
	- Thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	4.567.135.972	5.559.992.388

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

4. Thực trạng về tình hình công nợ tại thời điểm 30/6/2016:

Thực trạng về công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 30/6/2016 như sau:

Bảng 13. Tình hình công nợ tại thời điểm 30/6/2016

TT	Khoản mục	Thời điểm ngày 30/06/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.408.083.808
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.401.342.205
2	Phải thu ngắn hạn khác	6.741.603
II	Các khoản phải thu dài hạn	0
	Tổng cộng	2.408.083.808

(Nguồn: Báo cáo tài chính tự lập năm 2016 của Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn)



5. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm 30/06/2016:

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty đang quản lý 01 khu đất, cụ thể như sau:

Bảng 14. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm 30/06/2016

STT	Địa chỉ	Kiểm kê			Cơ sở pháp lý	Hiện trạng sử dụng trước CPH
		Đơn vị	Diện tích theo QĐ giao đất	Diện tích thực tế sử dụng		
1	Số 463, tổ 11C, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	m ²	1.558,00	1.558,00	Giấy chứng nhận QSDĐ: CA 043053 ngày 5/02/2016; Hợp đồng thuê đất số 23/HĐ-TD ngày 22 tháng 4 năm 2016 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.	Hiện nay Công ty đang quản lý, sử dụng tổng diện tích đất 1.558,0 m ² để phục vụ nhiệm vụ chính trị là in báo, tài liệu phục vụ các hoạt động của Đảng bộ, các sở, ban, ngành, đoàn thể và doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.
Tổng cộng:			1.558,0	1.558,0		

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

6. Thực trạng về lao động:

Số lượng lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 là 27 người. Trong đó: Nam: 10 người; Nữ: 17 người.

❖ Cơ cấu lao động phân loại theo trình độ:

Bảng 15. Thực trạng cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 24/02/2017

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	5	18,52
3	Cao đẳng	0	0
4	Trung cấp	16	55,26
5	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	6	26,22
Tổng cộng		27	100



❖ **Cơ cấu lao động phân loại theo hình thức hợp đồng:**

Bảng 16. Thực trạng cơ cấu lao động theo hình thức hợp đồng

TT	Loại hợp đồng	Tổng số
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	02
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	17
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	8
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, theo công việc nhất định dưới 12 tháng	0
5	Tạm hoãn HĐLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự	0
	Tổng cộng	27

❖ **Chế độ chính sách đối với người lao động:**

Để thực hiện tốt kế hoạch nhà nước giao, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động Công ty ban hành nội quy lao động và thỏa ước lao động tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Một số nội dung như sau:

Thời gian làm việc:

Làm việc trong giờ hành chính, 40 giờ/tuần, tùy điều kiện của mỗi đơn vị theo lịch thời gian cụ thể như sau:

- Làm giờ hành chính: Một ngày làm việc 8h, sáng từ 7h00 đến 11h30 (hoặc 7h30 đến 12h00), chiều từ 13h30 đến 17h00 (tùy theo mùa sẽ được điều chỉnh cho phù hợp).

- Làm việc theo sản phẩm: Căn cứ theo tiêu chuẩn định mức của Công ty cho từng bộ phận để thực hiện trong hoặc ngoài giờ hành chính.

- Thời gian làm thêm giờ: Theo quy định của Bộ Luật lao động.

Thời gian nghỉ ngơi, chế độ khen thưởng, phúc lợi: Thực hiện theo Bộ Luật lao động và các Nghị định hướng dẫn.

Tiền lương:

Tất cả người lao động trong Công ty được trả lương tháng. Giám đốc Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động của từng bộ phận, đơn vị sản xuất để trả lương, thưởng cho người lao động phần đầu thu nhập bình quân của 1 người từ 4-5 triệu đồng/tháng.

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn, Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/06/2016 của Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn để cổ phần hóa như sau:



❖ Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá: **7.407.051.464 đồng** (Bảy tỷ, bốn trăm linh bảy triệu, không trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi tư đồng).

❖ Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: **5.559.992.388 đồng** (Năm tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng).

Bảng 17. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: Đồng

T T	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	6.414.195.048	7.407.051.464	992.856.417
I	Tài sản dài hạn	2.962.736.370	3.955.592.786	992.856.417
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định	2.962.736.370	3.951.342.787	988.606.417
-	TSCĐ hữu hình	2.962.736.370	3.951.342.787	988.606.417
	Nhà, vật kiến trúc	993.543.884	1.527.531.894	533.988.010
	Máy móc thiết bị	1.499.801.236	1.954.419.643	454.618.407
	Phương tiện vận tải	469.391.250	469.391.250	-
-	TSCĐ vô hình	-	-	-
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
4	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	4.250.000	4.250.000
II	Tài sản ngắn hạn	3.451.458.678	3.451.458.678	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	283.562.728	283.562.728	-
-	Tiền mặt tồn quỹ	100.375.933	100.375.933	-
-	Tiền gửi ngân hàng	183.186.795	183.186.795	-
-	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Các khoản phải thu	2.408.083.808	2.408.083.808	-
3	Hàng tồn kho	489.260.671	489.260.671	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	270.551.471	270.551.471	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-



T T	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
I	2	3	4	(5)=(4)-(3)
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I	Tài sản cố định	-	-	-
-	Máy móc thiết bị	-	-	-
-	Phương tiện vận tải	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	109.689.128	109.689.128	-
I	Tài sản cố định	30.800.000	30.800.000	-
-	Máy móc thiết bị	30.800.000	30.800.000	-
II	Hàng tồn kho	78.889.128	78.889.128	-
-	Nguyên liệu, vật liệu	78.889.128	78.889.128	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI	-	-	-
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) Trong đó:	6.523.884.176	7.516.740.592	992.856.417
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	6.414.195.048	7.407.051.464	992.856.417
E1	Nợ thực tế phải trả	1.847.059.076	1.847.059.076	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
G	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	4.567.135.972	5.559.992.388	992.856.417

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

2. Tài sản không tính vào Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016:

a. Tài sản không cần dùng

- Máy móc thiết bị:

+	Nguyên giá:	1.532.976.905 đồng
+	Khấu hao lũy kế:	1.532.976.905 đồng
+	Giá trị còn lại:	0 đồng



- Phương tiện vận tải:

+	Nguyên giá:	152.000.000 đồng
+	Khấu hao lũy kế:	152.000.000 đồng
+	Giá trị còn lại:	0 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

b. Tài sản chờ thanh lý:

- Máy móc thiết bị:

+	Nguyên giá:	2.626.454.093 đồng
+	Khấu hao lũy kế:	2.595.654.093 đồng
+	Giá trị còn lại:	30.800.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

c. Hàng tồn kho không cần dùng, chờ thanh lý:

- Nguyên vật liệu tồn kho:

+	Giá trị còn lại:	78.889.128 đồng
---	------------------	-----------------

(Chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp được duyệt theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)

3. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý: Không có



PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA:

1. Thông tin chung về việc cổ phần hóa:

1.1. Cơ sở pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

- Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011.

- Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.



- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 v/v hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần.

- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 v/v hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước.

- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

- Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn để cổ phần hóa.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn kính trình Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa thẩm định và trình UBND tỉnh Bắc Kạn xem xét và quyết định phê duyệt Phương án chuyển Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần In Bắc Kạn theo các nội dung sau:

1.2. Mục tiêu cổ phần hóa:

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn nhằm các mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính; đổi mới công nghệ, đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền in ấn.

- Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lực; hoạch định chính sách và phát triển thị trường. Bảo đảm



định hướng, quy hoạch phát triển của ngành in trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn bảo đảm hiệu quả kinh tế, xã hội và bền vững.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

1.3. Hình thức cổ phần hóa:

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **“Vừa Bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”**.

2. Doanh nghiệp sau cổ phần hóa:

2.1. Thông tin chung:

- **Tên tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN IN BẮC KẠN
- **Tên tiếng Anh:** BAC KAN PRINT JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** BK PRINT,JSC
- **Trụ sở chính:** Số 463 tổ 11C-P. Đức Xuân- TP Bắc Kạn – tỉnh Bắc Kạn
- **Điện thoại:** 02093 873 720
- **Fax:** 02093 870 247
- **Email:** congtyinbackan@gmail.com
- **Vốn điều lệ:** **6.000.000.000 đồng** (Sáu tỷ đồng)

2.2. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Kế thừa toàn bộ ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của công ty trước khi cổ phần hoá. Bao gồm:

- In ấn báo chí, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm định kỳ khác; In tài liệu biểu mẫu kinh doanh, hoá đơn, chứng từ, bản in máy photocopy, bản in máy vi tính; In chạm nổi và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm và các ấn phẩm khác bằng chữ, in offset, in nổi, in bản thạch; in lụa, in bao bì, nhãn mác áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác; tem bưu điện, tem thuế, séc và các thuật in khác mang tính thương mại.

- Dịch vụ chế bản, sản xuất bản kẽm, đóng bìa, gáy sách, kẻ giấy;



- Mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách, các dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, sản xuất vở học sinh;
- Dịch vụ trang trí khẩu hiệu; kẻ biển quảng cáo;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành in;
- Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.

II. CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH:

1. Vốn điều lệ và số cổ phần phát hành:

a/ Vốn Điều lệ (làm tròn): 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

b/ Cổ phần phát hành lần đầu: 600.000 cổ phần.

Trong đó: + Cổ phần nhà nước nắm giữ là: 555.999 cổ phần, tương ứng 93% vốn điều lệ.

+ Cổ phần chào bán và phát hành thêm là: 44.001 cổ phần = 44.001 cổ phiếu, tương ứng 7% vốn điều lệ.

- Loại cổ phần phổ thông.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

Bảng 18. Cơ cấu vốn điều lệ Công ty Cổ phần dự kiến

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0
2	Người lao động	87.000	870.000.000	14,5
2.1	<i>Người lao động mua (theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước)</i>	<i>25.700</i>	<i>257.000.000</i>	<i>4,28</i>
2.2	<i>Người lao động mua (theo cam kết làm việc tại CTCP)</i>	<i>61.300</i>	<i>613.000.000</i>	<i>10,22</i>
3	Đầu giá công khai	113.000	1.130.000.000	18,83
4	Cổ đông chiến lược	400.000	4.000.000.000	66,67
	Tổng Cộng	600.000	6.000.000.000	100

3. Phương thức phát hành cổ phần:

3.1. Phương án chào bán cổ phần:

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của



các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty thực hiện việc bán cổ phần thông qua các phương thức và trình tự như sau:

- Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
- Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước.
- Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần và người lao động là chuyên gia giỏi, lao động có trình độ cao.
- Bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn.
- Bán cổ phần cho nhà đầu tư thông qua đấu giá.

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ:

Số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ là: 0 đồng chiếm 0% vốn điều lệ Công ty Cổ phần (đã trừ đi chi phí cổ phần hóa và phần bù đắp giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước). Số lượng cổ phần không bán hết Công ty sẽ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3.3. Cổ phần ưu đãi cho người lao động:

a. Bán cổ phần ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước:

Nguyên tắc tính số cổ phần ưu đãi (theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP) như sau:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 24/2/2017:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp : **27 người**
- Tổng số lao động được mua cổ phiếu ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước : **26 người (tổng số năm công tác tại khu vực Nhà nước là 258 năm)**



- Tổng số cổ phần CBCNV đã đăng ký : **25.700 cổ phần (4,28% vốn điều mua theo quy định lệ)**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng
- Giá bán cổ phần ưu đãi (đồng) : 60% giá đầu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai
- Thời gian dự kiến : sau khi đấu giá công khai

Danh sách chi tiết người lao động, số năm công tác, và số cổ phần được mua ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước và Biên bản Hội nghị công nhân viên chức kèm theo phương án này.

b. Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ - CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:

Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Đối với người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một lao động.

Tiêu chí xác định người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao:

- Người lao động đang làm việc tại Công ty, là những chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có thời gian làm việc tại Công ty từ 5 năm trở lên (tính từ ngày ký hợp đồng chính thức); có cam kết làm việc từ 3 - 10 năm cho Công ty cổ phần.

+ Điều kiện khác:

Đối với khối gián tiếp: Có trình độ Đại học thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

+ Đang là lãnh đạo Công ty; Trưởng, phó các đơn vị.

+ Hiểu biết quy trình in, máy móc, trang thiết bị ngành in; đánh giá được chất lượng sản phẩm.



Đối với khối trực tiếp: Có trình độ từ trung cấp trở lên, đang là trưởng máy hoặc phụ máy một máy in Offsét, máy gấp, máy vào bì...

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được lãnh đạo Công ty giao phó.
- Không vi phạm pháp luật, nội quy làm việc Công ty.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Mỗi một người lao động chỉ được chọn một quyền mua theo hình thức thông thường hoặc hình thức chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm theo hình thức cam kết làm việc lâu dài bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.

- Tổng số người lao động tiếp tục làm : **26 người**
việc tại Công ty Cổ phần
- Tổng số cổ phần được mua theo cam : **61.300 cổ phần (10,22% vốn**
kết làm việc lâu dài. **điều lệ)**
- Trong đó:
- + Theo cam kết ở mức 200 cổ : **21.800 cổ phần (3,63% vốn điều lệ)**
phần/người/năm cam kết 17 người)
- + Theo cam kết ở mức 500 cổ : **39.500 cổ phần (6,58% vốn điều lệ)**
phần/người/năm cam kết (10 người)
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng : Hạn chế chuyển nhượng trong thời
gian cam kết
- Giá bán cổ phần ưu đãi : Bằng giá đấu thành công thấp nhất
của cuộc đấu giá công khai
- Thời gian dự kiến : Sau cuộc đấu giá công khai

Danh sách chi tiết người lao động cam kết làm việc tại Công ty Cổ phần, số năm cam kết, số cổ phần được mua được kèm theo phương án này.

3.4. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn:

Tổ chức Công đoàn công ty không đăng ký mua số cổ phần ưu đãi bằng nguồn trích từ quỹ công đoàn.

3.5. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

a. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược:

❖ Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

– Phải là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực ngành



in; là nhà cung ứng vật tư, nguyên vật liệu đầu vào cho Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm sau cổ phần hóa trong ngành in ấn thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Tiêu chí cụ thể:
 - + Là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực in ấn, xuất bản, cung ứng nguyên vật liệu ngành in, phân phối các sản phẩm thuộc lĩnh vực in ấn.
 - + Có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm.
 - + Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
 - ✓ Có tổng tài sản tối thiểu 20 tỷ đồng trở lên;
 - ✓ Có vốn Chủ sở hữu tối thiểu là 8 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2016;
 - ✓ Chứng minh có đủ nguồn vốn góp;
 - ✓ Không có nợ quá hạn từ một năm trở lên;
 - ✓ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, được cơ quan thuế xác nhận;
 - ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm 2015, 2016, (đã được kiểm toán).
 - Có cam kết bằng văn bản của Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) hoặc Chủ sở hữu (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) về việc: không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cam kết kế thừa Phương án sử dụng lao động được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; cam kết nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, hoạch định chính sách và phát triển thị trường; cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới hiện đại; đào tạo nguồn nhân lực; cam kết không thực hiện các giao dịch gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần.

Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết dẫn đến thiệt hại cho doanh nghiệp thì nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

❖ Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo liên quan đến quản lý hoạt động in;



– Có cam kết bằng văn bản về việc không được chuyển nhượng số cổ phần trong thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực;

❖ Số lượng Nhà đầu tư chiến lược: 01 Nhà đầu tư tổ chức; 02 Nhà đầu tư cá nhân

Số lượng cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược: 400.000 cổ phần tương đương 4.000.000.000 đồng chiếm 66,67% vốn điều lệ dự kiến, trong đó:

Số lượng cổ phần bán cho 01 Nhà đầu tư tổ chức: 200.000 cổ phần tương đương 2.000.000.000 đồng chiếm 33,33% vốn điều lệ dự kiến.

Số lượng cổ phần bán cho 02 Nhà đầu tư cá nhân: 100.000 cổ phần cho mỗi nhà đầu tư cá nhân tương đương 1.000.000.000 đồng chiếm 16,67% vốn điều lệ dự kiến.

Trường hợp có nhiều hơn 01 nhà đầu tư tổ chức hoặc nhiều hơn 02 nhà đầu tư cá nhân đăng ký tham gia mua cổ phần, ban chỉ đạo cổ phần hóa sẽ tổ chức đấu giá bán cổ phần giữa các Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức hoặc cá nhân.

Trường hợp nhà đầu tư tổ chức hoặc cá nhân không đăng ký hết số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần này sẽ được chuyển sang chào bán cho các nhà đầu tư còn lại theo tỷ lệ tương ứng.

b. Phương thức bán, trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

– Phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Khi phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt sau khi đấu giá công khai. (theo quy định tại điểm đ khoản 3 điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ).

– Giá bán: Do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

– Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

+ Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn công bố Quyết định Tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần và thời hạn nộp hồ sơ trên Website của UBND tỉnh Bắc Kạn ngay sau khi Quyết định có hiệu lực.



+ Nhà đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ tại Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn (Hồ sơ theo quy định tại mục c), Công ty có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và báo cáo Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh.

+ Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa tỉnh tiến hành tổ chức việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; tổng hợp, báo cáo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh xem xét, trình UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược, số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua.

+ Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược, số lượng cổ phần được bán và giá bán khởi điểm cho nhà đầu tư chiến lược đã được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn đàm phán, thỏa thuận, ký kết hợp đồng mua/bán cổ phần với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

c. Hồ sơ Nhà đầu tư chiến lược kèm theo phương án, bao gồm:

✚ Đối với nhà đầu tư là tổ chức:

- Đơn đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược (theo mẫu);
- Bản cam kết của Nhà đầu tư chiến lược theo nội dung yêu cầu tại mục a
- Hồ sơ giới thiệu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm:
 - + Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển công ty;
 - + Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;
 - + Danh sách Ban lãnh đạo và các chuyên gia cao cấp (nếu có) của Công ty tại thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của từng người;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao công chứng);
 - + Điều lệ công ty (sao y bản chính);
 - + Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm tài chính gần nhất (2014, 2015);
 - + Đề xuất về Phương án kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty cổ phần;

Nhà đầu tư không nộp đủ các hồ sơ nêu trên sẽ không được xét để lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư có trách nhiệm nộp bổ sung và giải trình về nội dung các tài liệu trong hồ sơ đã nộp tại Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn khi có yêu cầu. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu trong hồ sơ đã nộp.



✚ Đối với Nhà đầu tư là cá nhân:

- Đơn đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược (theo mẫu);
- Bản cam kết của Nhà đầu tư chiến lược gồm những nội dung sau: không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cam kết kế thừa Phương án sử dụng lao động được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; cam kết nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, hoạch định chính sách và phát triển thị trường; cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới hiện đại; đào tạo nguồn nhân lực; cam kết không thực hiện các giao dịch gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần;
- Bản sơ yếu lý lịch, quá trình công tác có xác nhận của cấp có thẩm quyền và văn bằng chứng chỉ của cá nhân liên quan đến quản lý, hoạt động in;
- Đề xuất Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

3.6. Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng:

Căn cứ thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần là thực hiện bán đấu giá công khai ra công chúng mà không có sự phân biệt giữa nhà đầu tư cá nhân hay tổ chức, nhà đầu tư nước ngoài hay trong nước.

- Giá khởi điểm bán : **10.000 đồng/cổ phần**
đấu giá đề xuất
- Đối tượng chào bán : Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy chế đấu giá.
- Tổng số cổ phần bán : **113.000 cổ phần (18,83%)**
đấu giá
- Tổ chức trung gian : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia -
thực hiện việc bán Số 30, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
đấu giá cổ phần
- Phương thức, địa : Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá
điểm đấu giá thông qua tổ chức tài chính trung gian (địa điểm
đấu giá: Văn phòng Công ty TNHH một thành viên
In Bắc Kạn)



- Hình thức đặt cọc : Tại thời điểm đơn đăng ký, nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc 10% trên tổng giá trị đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản của tổ chức tài chính trung gian.
- Thời gian bán cổ phần : Sau khi được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt phương án Cổ phần hóa, Công ty sẽ triển khai hoàn thiện bán công bố thông tin đợt chào bán và tiến hành bán cổ phần ra bên ngoài. Các trình tự, thủ tục liên quan đến đợt bán đấu giá được quy định trong “Quy chế bán đấu giá”.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG:

1. Kế hoạch bố trí lao động:

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động như sau:

Số liệu cụ thể về lao động tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp (24/2/2017) thực hiện cổ phần hoá được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 19. Cơ cấu lao động tại thời điểm 24/02/2017

TT	Chỉ tiêu	Tổng số người
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	27
-	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	02
-	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	17
-	Lao động làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn	08
II	Số lao động sẽ nghỉ việc khi có Quyết định chuyển thành Công ty Cổ phần	01
-	Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	01
III	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang Công ty Cổ phần	26
-	Số LĐ mà HĐLĐ đang còn thời hạn	26

(Nguồn: Phòng TCHC - Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn)

2. Số lượng, cơ cấu lao động khi chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần:

Cơ cấu lao động chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần như sau:



Bảng 20. Cơ cấu lao động chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần

Tiêu chí	Số lượng người	Tỉ trọng (%)
Tổng số	26	100
I. Phân theo trình độ lao động:	26	100
- Trình độ Đại học và trên đại học	05	19,23
- Trình độ cao đẳng	0	0
- Trình độ trung cấp	15	57,69
- CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	06	23,08
II. Phân theo loại hợp đồng lao động:	26	100
- Hợp đồng không thời hạn	17	65,38
- Hợp đồng từ 1-3 năm	09	34,61
III. Phân theo giới tính:	26	100
- Nam	10	38,46
- Nữ	16	61,54

3. Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư:

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có 0 lao động đủ điều kiện nghỉ theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP chi tiết như sau:

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người, trong đó nữ: 0 người. Trong đó:

- + Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 0 người
- + Số lao động phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người.

Bảng 21. Dự kiến kinh phí giải quyết lao động dôi dư

TT	Chế độ	Số người	Số tiền (đồng)	Nguồn chi
1	Lao động dôi dư nghỉ hưu trước tuổi	0	0	Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp
2	Lao động tuyển dụng trước 21/4/1998 phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động	0	0	
	Tổng cộng			

Phương án giải quyết chi tiết cho từng người xem tại phụ lục 2 kèm theo (Phương án sắp xếp lao động).

Lưu ý: Kinh phí thực tế sẽ được điều chỉnh tính toán lại tại thời điểm chính thức phê duyệt Phương án Cổ phần hóa và Phương án Sắp xếp lao động.



III. CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA:

Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính quy định mức chi phí tối đa được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán không quá 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 30 tỷ đồng. Dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn chi tiết như sau:

Bảng 22. Dự toán chi phí cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Dự toán (đồng)
I	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	44.000.000
1	Chi phí tuyên truyền, đăng báo doanh nghiệp CPH trên các phương tiện đại chúng, chi phí thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm nhà đầu tư chiến lược (<i>trường hợp không sử dụng hết chi phí này sẽ được phân bổ vào các chi phí trực tiếp cho Ban chỉ đạo và tổ giúp việc</i>).	15.000.000
2	Chi phí tổ chức phổ biến các nội dung đối với người lao động về cổ phần hóa doanh nghiệp, đại hội CBCNV bắt thường	8.000.000
3	Chi phí đi lại học tập kinh nghiệm của các đơn vị trong Ngành về cổ phần hóa	10.000.000
4	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	5.000.000
5	Chi phí kiểm kê phân loại tài sản	6.000.000
II	Thuê tư vấn	111.000.000
1	Chi phí kiểm toán, xác định GTDN	50.000.000
2	Chi phí lập phương án CPH, Điều lệ Công ty CP và tư vấn trung gian bán cổ phần, bán cổ phần lần đầu, đại hội cổ đông lần đầu.	61.000.000
III	Chi phí Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc	45.000.000
1	Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc	45.000.000
	Tổng cộng	200.000.000

(Nguồn: Dự toán Chi phí Cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn)

Chi phí Cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi hoàn thành công tác Cổ phần hóa.



IV. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NHÀ NƯỚC, SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III, Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty Cổ phần, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá bán thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 23. Kế hoạch hoàn vốn nhà nước, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)			5.559.992.388
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	600.000		6.000.000.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		555.999		5.559.990.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm	(2.a)	44.010		440.010.000
Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, bán đấu giá và bán cho nhà đầu tư chiến lược.		600.000		6.000.000.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(3)			5.896.800.000
Bán cho CBCNV		87.100		767.800.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước		25.800	6.000	154.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần		61.300	10.000	613.000.000
Bán cho công đoàn			6.000	0
Bán cho đối tác chiến lược		400.000	10.000	4.000.000.000
Bán đấu giá lần đầu		112.900	10.000	1.129.000.000
Giá trị chênh lệch vốn Nhà nước với vốn điều lệ công ty cổ phần	(4) = (1)- (2)			2.388



Chi phí cổ phần hóa	(5)			200.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(6)			0
Số tiền nộp về Quỹ Đầu tư & kinh doanh vốn nhà nước SCIC	(8) = (3) + (4) - (5) - (6) - (2.a)			5.256.792.388
Số tiền được giữ lại Công ty cổ phần	(9) = (2.a)	44.010		440.010.000

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT:

Theo Văn bản số 1546/UBNDKT ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc đồng ý chủ trương chấp thuận phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa, như sau: Tiếp tục được thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất 50 năm đối với phần diện tích 1.558m² tại tổ 11C phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn.

Bảng 24. Phương án sử dụng đất

TT	Địa chỉ khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng
1	Tổ 11C phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.558	Trụ sở Công ty	Thuê đất trả tiền hàng năm
	Cộng	1.558		

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3-5 NĂM TIẾP THEO:

Phương án đầu tư, chiến lược phát triển và tổ chức hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần In Bắc Kạn quyết định. Với những điều kiện thuận lợi hiện có của doanh nghiệp, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu của tỉnh Bắc Kạn trong tương lai, Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn xây dựng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và một số các chỉ tiêu kinh tế tài chính sau cổ phần hóa như sau:

1. Mục tiêu phát triển:

a. Mục tiêu chung:

Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện của công ty, phần đầu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao đời sống của người lao động.



b. Mục tiêu cụ thể:

Cải tiến dây chuyền công nghệ/thay đổi phương pháp vận hành, đầu tư thêm trang thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất. Tiết kiệm chi phí quản lý vận hành.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sử dụng hợp lý, hiệu quả, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm sau khi cổ phần hóa như sau (2017-2019):

❖ Quan điểm định hướng chiến lược đến năm 2025

- Hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, Phát triển phải đi đôi với quản lý tốt, đặc biệt là chất lượng nội dung.

- Xây dựng ngành in thành một ngành kinh tế, kỹ thuật phát triển toàn diện, vững chắc, phát triển trong cơ chế thị trường, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu tri thức ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh, góp phần lưu giữ và phổ biến các giá trị văn hoá của quê hương đến độc giả trong và ngoài nước, đến các thế hệ tương lai.

- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu của tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh và khu vực. Tiếp tục đầu tư và tạo điều kiện phát triển ngành in thích ứng với môi trường đảm bảo tính hiệu quả và vững chắc.

❖ Mục tiêu Định hướng chiến lược đến năm 2025

- Phát triển ngành in đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí; giới thiệu, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Bắc Kạn tới độc giả trong, ngoài tỉnh, cả nước và quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên người lao động có chuyên môn giỏi, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thời kỳ phát triển mới, nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động xuất bản và chủ động hội nhập quốc tế.

- Phát triển ngành in Bắc Kạn lớn mạnh, tương xứng với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đổi mới công nghệ, nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng cao có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển mạnh nguồn nhân lực có tri thức, trình độ, kỹ năng, tay nghề, nâng cao năng lực quản trị.



❖ Kế hoạch đầu tư sản xuất dự án mới:

Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị: Để đảm bảo cho chất lượng sản phẩm in, cũng như tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu và rút ngắn thời gian sản xuất, sau khi cổ phần hóa Công ty sẽ đầu tư các loại máy móc thiết bị như sau:

Bảng 25. Kế hoạch đầu tư máy móc, thiết bị

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2020-2025
1	Máy dao xén 3 mặt bán tự động, Nhật Bản sản xuất	01 bộ	x	
2	Máy vào bìa keo nhiệt 5 kẹp, Nhật Bản sản xuất	01 bộ	x	
3	Máy in Offset tờ rời 4 màu do Nhật Bản sản xuất (máy 8 trang)	01 bộ	x	
4	Máy in Offset tờ rời 4 màu do Nhật Bản sản xuất (máy 16 trang)	01		x
5	Máy bắt tay sách do Nhật Bản sản xuất	01		x
6	Máy khâu chỉ Trung Quốc sản xuất	01		x
	Tổng cộng			

Do thị trường in ấn tại địa phương không lớn, nếu đầu tư máy mới sản xuất và đầu tư cùng một thời điểm thì giá trị đầu tư sẽ rất lớn và khả năng thu hồi vốn sẽ rất dài. Vì vậy Công ty lựa chọn phương án đầu tư máy đã qua sử dụng và được chia làm 2 giai đoạn để đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển chi tiết giai đoạn 2017-2019 (3 năm sau cổ phần hóa):

Bảng 26. Kế hoạch đầu tư phát triển chi tiết giai đoạn 2017-2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Kế hoạch đầu tư XDCB: - Công trình A - Công trình B				
2. Vốn điều lệ	Tr. đồng	6.000	6.000	6.000
3. Tổng số lao động	Người	30	30	30



4. Tổng quỹ lương	Tr. đồng	2.200	2.300	2.500
5. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	6,0	6,5	7,0
6. Tổng doanh thu	Tr. đồng	8.500	9.000	9.500
7. Tổng chi phí	Tr. đồng	5.780	6.080	6.380
8. Lợi nhuận thực hiện	Tr. đồng	50	60	80
9. Tỷ lệ cổ tức	% năm	6	6	6

4. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty Cổ phần:

Công ty Cổ phần In Bắc Kạn hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Để đảm bảo cho bộ máy tổ chức của công ty gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, lao động gián tiếp <30% tổng lao động tại công ty; được lập thành 02 đơn vị trực thuộc (gồm Văn phòng và Xưởng sản xuất).

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ.

- **Hội đồng quản trị:** Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Chủ tịch hội đồng quản trị:**

- + Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
- + Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



- **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm tra nội bộ của Công ty.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban giám đốc:**

Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc chuyên môn.

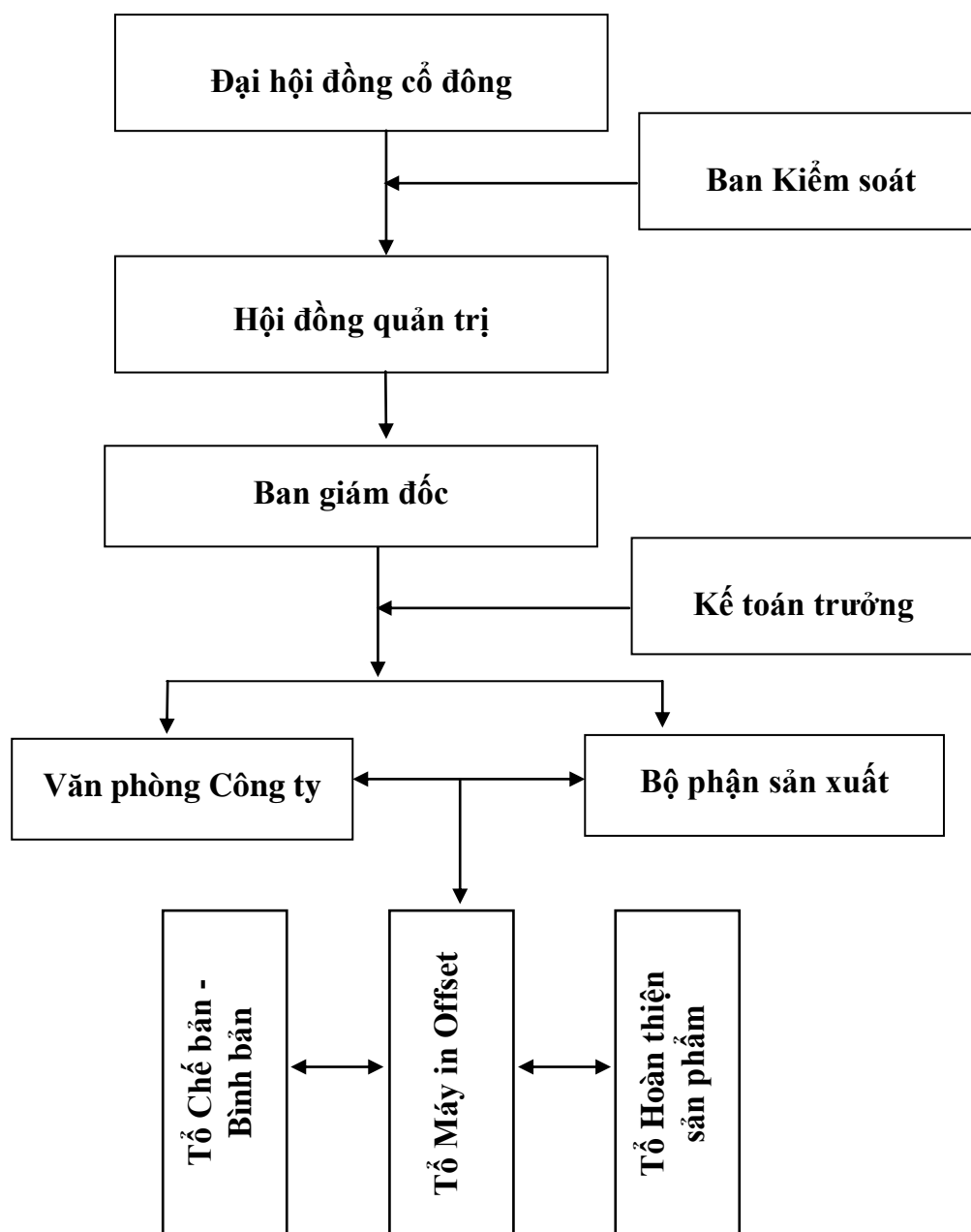
Ban Giám đốc Công ty: Gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- **Phòng, ban, đơn vị trực thuộc:**

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cơ bản hoạt động theo mô hình hiện tại, tuy nhiên khi thay đổi cơ cấu tổ chức chức năng nhiệm vụ của một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc sẽ được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ.



Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần



5. Những biện pháp tổ chức thực hiện:

❖ Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

Xây dựng chương trình đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty; Tiến hành rà soát, sàng lọc, đánh giá đầy đủ, đúng thực chất nguồn nhân lực hiện có. Đây là giải pháp mang tính quyết định của việc xây dựng nguồn nhân lực. Có rà soát, sàng lọc, đánh giá một cách đầy đủ, đúng thực chất đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật thì mới có thể thấy được đội ngũ này hiện tại đã đáp ứng đến mức độ nào



so với yêu cầu của thực tế. Đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật in và cán bộ quản lý phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới và đặc thù của địa phương.

❖ **Nâng cao năng lực quản lý**

Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

❖ **Giải pháp về vốn kinh doanh**

Sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả. Quản lý vốn chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các chi phí, chống thất thoát vốn. Tiết kiệm chi phí, tăng cường quản trị rủi ro có thể gây ra nợ xấu, lãi xuất ngân hàng,... Dự phòng nguồn vốn để công ty hoạt động ổn định trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

❖ **Giải pháp về công nghệ và thiết bị**

Để đảm bảo máy móc thiết bị tương đối tiên tiến, tránh bị tụt hậu quá xa so với các nhà máy in lớn trong nước cũng như trong khu vực. Trên cơ sở máy móc hiện có, đơn vị cần được đầu tư mới các thiết bị máy móc hiện đại phù hợp với điều kiện kinh doanh của đơn vị từng giai đoạn như: Máy in Offset tờ rời 4 màu; máy vào bìa keo nhiệt 10 kẹp; máy dao xén 3 mặt bán tự động; máy khâu chỉ; máy bế hộp tự động,... Tuy nhiên nếu đầu tư máy mới sản xuất, giá trị đầu tư sẽ rất lớn, do đó Công ty lựa chọn phương án đầu tư máy đã qua sử dụng, nhưng phải đảm bảo chất lượng > 80%.

❖ **Giải pháp về thị trường**

- Khai thác tối đa thị trường hiện có tại khu vực Thành phố và các huyện trong tỉnh...

- Sản phẩm: Các sản phẩm truyền thống như: Báo, sách, tạp chí, biểu mẫu, hoá đơn, tờ rơi, sách giáo khoa v.v... Ngoài ra còn có các sản phẩm khác: sách giáo khoa các sản phẩm bao bì, nhãn mác cao cấp khác.

Nâng cao chất lượng sức cạnh tranh: Đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ. Bên cạnh đó đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân lao động.

- Thị trường: Xúc tiến marketing để mở rộng thị trường chiếm lĩnh 80% thị phần trở lên ở tỉnh Bắc Kạn và một số thị phần của thị trường ngoài tỉnh.

Muốn làm được điều này, Công ty sẽ phải tiến hành phân khúc thị trường theo 4 nhóm sản phẩm lớn như sau: (1) Tem, nhãn, bao bì; (2) sách, báo, tạp chí;



(3) các loại giấy tờ quảng cáo, áp phích, văn hoá phẩm lịch, bưu ảnh..(4) biểu mẫu, hoá đơn, chứng từ quản lý..

6. Đánh giá rủi ro dự kiến:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Việt Nam là nước có tốc độ phát triển cao và ổn định trong những năm vừa qua. Năm 2006 Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành dịch vụ nói riêng.

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế; tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, Công ty TNHH MTV In Bắc Kạn là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Bảo vệ môi trường và Luật xuất bản...

- Hệ thống Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về chính sách vĩ mô của nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ Quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

6.3. Rủi ro đặc thù:

- Nhìn chung quy mô của Công ty ở quy mô nhỏ hoạt động in có rất nhiều doanh nghiệp cạnh tranh.

- Giá cả của máy móc thiết bị ngành in là khá cao do tính đặc thù làm cho việc đầu tư trang bị thêm máy móc là rất khó khăn.



- Các thiết bị kỹ thuật hiện đại tiên tiến và nguồn nhân lực chất lượng cao trong Công ty vẫn còn là điểm khó khăn cần cải thiện hơn nữa. Một số CBCNV, trình độ tay nghề và năng lực chuyên môn còn thiếu và yếu chưa đồng đều giữa các khâu sản xuất, thói quen ỷ lại chưa chủ động, nên năng suất lao động còn thấp.

- Số lượng đầu báo và tạp chí hiện nay ít, trong thời gian tới số lượng in bản tin giảm dần, công suất in loại sản phẩm này đang dư thừa nên giá cả in giảm sút, trong khi chi phí sản xuất đang tăng hàng năm. Số tờ báo và tạp chí có lợi nhuận rất ít nên khả năng thanh toán chậm, nợ đọng kéo dài, thậm chí không thu được nợ. Hầu hết các nhà in có in báo, tạp chí nhiều đều đang giảm sản lượng, thu hẹp sản xuất hoặc phải chuyển hướng mặt hàng. Tình trạng này sẽ ngày một xấu hơn khi báo mạng đang lấn lướt báo in và các phương tiện điện tử thông minh được cải tiến liên tục.

Hiện nay Bộ Tài Chính cho phép các doanh nghiệp tự in hóa đơn, việc điện toán hóa trong thanh toán của một số doanh nghiệp lớn cũng ảnh hưởng lớn đến nguồn công việc này của một số doanh nghiệp in. Do đó các thiết bị và công nghệ đầu tư sẽ bị dư thừa công suất.

6.4. Rủi ro của đợt chào bán:

Số cổ phần chào bán cho người lao động trong Công ty có thể không mua hết theo đăng ký và có thể sẽ không hoặc ít nhà đầu tư đăng ký tham gia mua cổ phần phát hành ra công chúng.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn được phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện phương án, cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC BÁN CỔ PHẦN:

1. Tổ chức bán thoả thuận cho nhà đầu tư chiến lược.
2. Trên cơ sở giá thoả thuận cho nhà đầu tư chiến lược, Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh chỉ đạo doanh nghiệp bán cổ phần ưu đãi, cổ phần cam kết cho người lao động tại doanh nghiệp.
3. Tổ chức bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác thông qua tổ chức tài chính trung gian tại trụ sở Công ty TNHH một thành viên In Bắc Kạn.
4. Báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá ra quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hoá đối với trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án cổ phần hoá đã phê duyệt.



II. HOÀN TẤT VIỆC CHUYỂN DOANH NGHIỆP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN:

1. Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất:

Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Tỉnh chỉ đạo Tổ giúp việc và Doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Ban Giám đốc công ty cổ phần.

2. Hội đồng quản trị thực hiện đăng ký kinh doanh, nộp con dấu của doanh nghiệp cũ và xin khắc dấu của Công ty Cổ phần.

3. Lập báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, quyết toán chi phí cổ phần hoá, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hoá.

4. Công ty Cổ phần in ấn và phát hành sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông theo quy định.

5. Tổ chức ra mắt Công ty Cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định..

6. Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và Công ty Cổ phần: Ban Chỉ đạo Cổ phần hoá Tỉnh tiến hành lập biên bản bàn giao giữa bộ máy quản lý của công ty và Hội đồng quản trị công ty cổ phần.

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2017

**TM. CÔNG TY
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

TRIỆU THỊ GÁI